

Tăng tỷ trọng

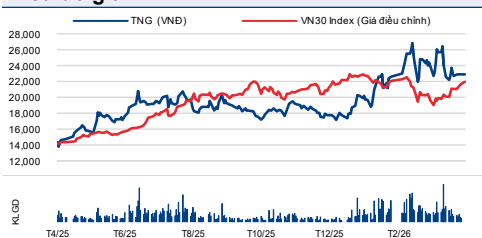
Giá mục tiêu: VNĐ26,200

Tiềm năng tăng/giảm: 14.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/4/2026)	22,900
Mã Bloomberg	TNG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	13,834-26,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	22,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,948
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	112
Slg CP lưu hành (tr.đv)	129
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	63.1
Slg CP NN được mua (tr.đv)	27.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	27.4%
Tỷ lệ freefloat	60.2%
Cổ đông lớn	>T HĐQT và liên quan (28.3%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	8,699	9,520	10,276
EBITDA đc (tỷ đồng)	942	1,035	1,121
LNTT (tỷ đồng)	484	558	628
LNT ĐC (tỷ đồng)	392	447	502
FCF (tỷ đồng)	(162)	327	111
EPS ĐC (đồng)	3,045	3,471	3,900
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	15,546	17,621	19,390
T.trưởng EBITDA (%)	6.84	9.79	8.35
T.trưởng EPS ĐC (%)	24.5	14.0	12.4
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.8	10.9	10.9
Tỷ suất LNTT (%)	5.57	5.87	6.11
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.51	4.69	4.89
Tỷ lệ LN trả CT (%)	49.3	43.2	38.5
Nợ thuần/VCSH (%)	151	127	119
ROAE (%)	20.1	20.9	21.1
ROACE (%)	23.1	25.0	26.1
EV/doanh thu (lần)	0.74	0.66	0.62
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.82	6.08	5.69
P/E ĐC (lần)	7.52	6.60	5.87
P/B (lần)	1.47	1.30	1.18
Lợi suất cổ tức (%)	6.55	6.55	6.55

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TNG là một trong những công ty may mặc lớn nhất Việt Nam, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng
giang.bnc@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Q1/2026: Lợi nhuận thuần tăng 39% so với cùng kỳ; sát dự báo

- KQKD Q1/2026 của TNG nhìn chung sát dự báo với lợi nhuận thuần tăng 39% so với cùng kỳ đạt 60 tỷ đồng, được hỗ trợ nhờ thu nhập không thường xuyên. Doanh thu thuần tăng 29% so với cùng kỳ đạt 1.952 tỷ đồng, cao hơn 10% so với dự báo, trong khi tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 12,1% do chi phí lao động tăng mạnh.
- Tại ĐHCĐ năm 2026 của TNG, Công ty tái khẳng định trọng tâm cốt lõi là mảng sản xuất hàng may mặc. BLĐ kỳ vọng doanh thu thuần Q2/2026 tăng trưởng khoảng 20%.
- Về cổ tức, chi trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông là 20% vốn CSH bằng tiền mặt, trong đó 15% đã được chi trả và 5% còn lại dự kiến chi trả trong Q2/2026. Đối với phương án phân phối lợi nhuận năm 2026, ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức 16-20% vốn CSH.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với TNG với giá mục tiêu 26.200đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026 và tổ chức ĐHCĐ năm 2026

Vào ngày 20/4, TNG công bố KQKD Q1/2026 tích cực, sát với dự báo của HSC. Đồng thời, chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ năm 2026 của Công ty được tổ chức trước đó một ngày tại nhà máy Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Đại hội có sự tham dự đông đủ của cổ đông và tất cả các tờ trình đều được thông qua. Các điểm chính như sau.

Q1/2026: Lợi nhuận thuần tăng mạnh 39%, được hỗ trợ nhờ thu nhập không thường xuyên

Trong Q1/2026, TNG ghi nhận lợi nhuận thuần đạt 60 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ (nhưng giảm 46% so với quý trước do yếu tố mùa vụ), nhìn chung sát với dự báo trước đó của HSC ở mức 63 tỷ đồng, nhờ khoản thu nhập không thường xuyên 25 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, TNG

Lợi nhuận thuần đạt 60 tỷ đồng (tăng 39% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần đạt 1.952 tỷ đồng (tăng 29% so với cùng kỳ)

	Q1/25	Q4/25	Q1/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	Q1/25F
Doanh thu thuần	1,511	2,027	1,952	29%	-4%	1,783
Lợi nhuận gộp	230	309	236	3%	-24%	
Chi phí BH&QL	(120)	(111)	(122)	2%	10%	
Lỗ tài chính	(56)	(45)	(63)	13%	40%	
Lợi nhuận HĐ	54	153	51	-5%	-67%	
Thu nhập/(chi phí) thuần khác	(0)	(19)	25	N.m	N.m	
Lợi nhuận thuần	43	112	60	39%	-46%	63
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15.2%	15.2%	12.1%			
Chi phí BH&QL / doanh thu thuần	8.0%	5.5%	6.3%			
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.9%	5.5%	3.1%			3.5%

Nguồn: TNG, HSC ước tính

- Doanh thu thuần đạt 1.952 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ và giảm 4% so với quý trước, cao hơn 10% so với dự báo của HSC ở mức 1.783 tỷ đồng. Xét theo thị trường, Mỹ tiếp tục là thị trường đóng góp lớn nhất, chiếm 40% doanh thu thuần, tiếp theo là châu Âu với 30%.
- Lợi nhuận gộp chỉ tăng 3% so với cùng kỳ khi tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 12,1% (giảm 310 điểm cơ bản), chủ yếu do chi phí lao động tăng cao với số lượng nhân sự tăng thêm khoảng 1.700 người tính từ đầu năm, nâng tổng số nhân sự lên hơn 20.500 người.
- Chi phí ròng tài chính tăng 13% so với cùng kỳ và tăng 40% so với quý trước lên 63 tỷ đồng.
- Chi phí bán hàng & quản lý chỉ tăng nhẹ 2% lên 122 tỷ đồng, kéo tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu giảm xuống mức 6,3% từ mức 8,0% trong cùng kỳ.
- Theo đó, lợi nhuận HĐKD cốt lõi giảm 5% xuống 51 tỷ đồng.
- Tuy nhiên, khoản thu nhập không thường xuyên 25 tỷ đồng, chủ yếu liên quan đến bồi thường bảo hiểm cho thiệt hại do lũ lụt trong tháng 10/2025, đã giúp lợi nhuận thuần đạt 60 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ.

Chiến lược: Trọng tâm vào mảng sản xuất hàng may mặc

Tại ĐHCĐ, TNG tái khẳng định chiến lược tập trung duy nhất vào mảng sản xuất hàng may mặc, định vị là doanh nghiệp hàng may mặc hàng đầu tại Việt Nam. Từ năm 2026 trở đi, chiến lược của BLĐ tập trung vào ba trụ cột chính:

- **Tự động hóa và chuyển đổi số:** Đây sẽ tiếp tục là ưu tiên hàng đầu nhằm nâng cao năng suất và bù đắp áp lực từ việc giá bán bình quân giảm trong những năm gần đây. Cụ thể, TNG dự kiến tiếp tục đầu tư vào hệ thống chuyển treo tự động, vốn đã chứng minh hiệu quả khi giúp năng suất tăng khoảng 5-10%.
- **Sản phẩm giá trị cao hơn:** TNG sẽ tập trung vào các sản phẩm có yêu cầu kỹ thuật cao hơn cũng như tỷ suất lợi nhuận cao hơn nhằm cải thiện khả năng sinh lời.
- **Tăng cường hợp tác với các thương hiệu lớn trên toàn cầu:** TNG cũng đang tìm cách mở rộng đơn hàng từ các khách hàng như Nike và Adidas, qua đó giúp đa dạng hóa tệp khách hàng và giảm rủi ro tập trung vào số ít khách hàng lớn.

Đối với mảng BĐS, TNG không còn tham gia trực tiếp vào phát triển dự án mà chỉ tham gia gián tiếp thông qua công ty liên kết là TNG Land với tỷ lệ sở hữu dưới 50%.

Tự tin về triển vọng trong phần còn lại của năm 2026. Đầu tư công suất mới trong các năm 2026-2027

Cho năm 2026, BLĐ vẫn tự tin về triển vọng và kỳ vọng doanh thu Q2/2026 tăng trưởng khoảng 20% so với cùng kỳ, vẫn đúng lộ trình để hoàn thành kế hoạch HĐKD cả năm ở mức 9.500 tỷ đồng, tăng trưởng 9%. Các thị trường xuất khẩu chủ lực sẽ tiếp tục là Mỹ và EU, mỗi thị trường dự kiến đóng góp khoảng 40-45% tổng doanh thu.

Liên quan đến kế hoạch đầu tư, TNG sẽ tiếp tục duy trì ngân sách đầu tư hằng năm cho bảo trì và thay thế ở mức 200–300 tỷ đồng nhằm nâng cấp thiết bị và duy trì hiệu quả vận hành của các nhà máy hiện hữu. Đối với đầu tư công suất mới, Công ty dự kiến đầu tư khoảng 400 tỷ đồng vào dự án nhà máy Đại Từ 2 trong các năm 2026-2027, hiện đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng. Việc xây dựng dự kiến bắt đầu vào cuối năm 2026 đến đầu năm 2027, với kế hoạch đi vào vận hành từ nửa cuối năm 2027.

Cổ tức: 2.000đ/cp cho năm 2025; 16-20% cho năm 2026

Đối với phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, ĐHCĐ đã thông qua phương án chi trả tổng cổ tức tiền mặt là 20% vốn CSH (2.000đ/cp). Trong đó, 15% (1.500đ/cp) đã được chi trả. ĐHCĐ cũng xác nhận đợt chi trả cổ tức tiền

mặt cuối cùng 5% (500đ/cp) sẽ được thực hiện trong Q2/2026, hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2025.

Đối với phương án phân phối lợi nhuận năm 2026, cổ đông đã thông qua kế hoạch cổ tức trong khoảng 16–20% vốn CSH, có thể chi trả bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu tùy thuộc vào KQKD và nhu cầu vốn. Tuy nhiên, BLĐ tái khẳng định định hướng duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định nhằm đảm bảo mang lại giá trị đều đặn cho cổ đông.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 26.200đ

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với TNG với giá mục tiêu 26.200đ.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	7,656	8,699	9,520	10,276	10,924
Lợi nhuận gộp	1,182	1,268	1,401	1,532	1,643
Chi phí BH&QL	(535)	(556)	(609)	(668)	(710)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	647	712	792	864	933
Lãi vay thuần	(246)	(205)	(223)	(227)	(239)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(10.4)	(23.2)	(10.4)	(10.4)	(10.4)
LNTT	390	484	558	628	684
Chi phí thuế TNDN	(75.7)	(92.2)	(112)	(126)	(137)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	315	392	447	502	547
Lợi nhuận thuần ĐC	315	392	447	502	547
EBITDA ĐC	882	942	1,035	1,121	1,197
EPS (đồng)	2,446	3,045	3,471	3,900	4,251
EPS ĐC (đồng)	2,446	3,045	3,471	3,900	4,251
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	129	129	129	129	129
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	129	129	129	129	129
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	129	129	129	129	129

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	445	317	648	667	716
Đầu tư ngắn hạn	260	467	467	467	467
Phải thu khách hàng	740	1,030	1,087	1,223	1,405
Hàng tồn kho	1,074	1,446	1,317	1,577	1,788
Các tài sản ngắn hạn khác	118	126	147	159	169
Tổng tài sản ngắn hạn	2,638	3,386	3,666	4,092	4,545
TSCĐ hữu hình	1,961	2,456	2,446	2,430	2,412
TSCĐ vô hình	156	260	277	294	311
Bất động sản đầu tư	300	304	295	285	275
Đầu tư dài hạn	610	368	368	368	368
Đầu tư vào Cty LD,LK	141	141	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.4	11.4	12.2	12.2	12.2
Tổng tài sản dài hạn	3,179	3,541	3,398	3,389	3,379
Tổng cộng tài sản	5,817	6,927	7,064	7,481	7,924
Nợ ngắn hạn	1,607	2,371	2,641	2,814	2,986
Phải trả người bán	777	862	738	795	844
Nợ ngắn hạn khác	326	538	401	429	453
Tổng nợ ngắn hạn	2,751	3,818	3,832	4,094	4,343
Nợ dài hạn	1,093	956	884	811	738
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	80.4	151	80.4	80.4	80.4
Tổng nợ dài hạn	1,173	1,107	964	891	819
Tổng nợ phải trả	3,924	4,925	4,796	4,985	5,162
Vốn chủ sở hữu	1,892	2,001	2,268	2,496	2,762
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	0	-	-	-
Tổng vốn chủ sở hữu	1,892	2,001	2,268	2,496	2,762
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,817	6,927	7,064	7,481	7,924
BVPS (đ)	14,701	15,546	17,621	19,390	21,458
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,255	3,010	2,876	2,958	3,008

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	647	712	792	864	933
Khấu hao	(235)	(230)	(243)	(256)	(264)
Lãi vay thuần	(246)	(205)	(223)	(227)	(239)
Thuế TNDN đã nộp	(67.7)	(92.5)	(112)	(126)	(137)
Thay đổi vốn lưu động	(35.6)	(785)	(359)	(655)	(677)
Khác	(217)	(228)	(233)	(237)	(249)
LCT thuần từ HĐKD	746	78.0	577	368	406
Đầu tư TS dài hạn	(254)	(240)	(250)	(257)	(263)
Góp vốn & đầu tư	(245)	0	0	0	0
Thanh lý	4.50	0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(494)	(240)	(250)	(257)	(263)
Cổ tức trả cho CSH	(143)	(193)	(193)	(193)	(193)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	52.5	228	197	100	100
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(91.0)	34.4	4.24	(93.1)	(93.1)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	284	445	317	648	667
LCT thuần trong kỳ	161	(127)	331	18.4	49.6
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.21)	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	445	317	648	667	716
Dòng tiền tự do	492	(162)	327	111	143

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.4	14.6	14.7	14.9	15.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.5	10.8	10.9	10.9	11.0
Tỷ suất LNT (%)	4.11	4.51	4.69	4.89	5.01
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.4	19.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	7.86	13.6	9.44	7.94	6.30
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	18.4	6.84	9.79	8.35	6.79
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	32.5	24.5	14.0	12.4	9.01
Tăng trưởng EPS (%)	42.7	24.5	14.0	12.4	9.01
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	32.5	24.5	14.0	12.4	9.01
Tăng trưởng DPS (%)	150	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	81.8	49.3	43.2	38.5	35.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	16.8	20.1	20.9	21.1	20.8
ROACE (%)	22.5	23.1	25.0	26.1	26.8
Vòng quay tài sản (lần)	1.39	1.37	1.36	1.41	1.42
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.15	0.11	0.73	0.43	0.44
Số ngày tồn kho	60.6	71.0	59.2	65.8	70.3
Số ngày phải thu	41.7	50.6	48.8	51.0	55.3
Số ngày phải trả	43.8	42.4	33.2	33.2	33.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	120	151	127	119	109
Nợ/tài sản (%)	46.5	48.2	50.0	48.6	47.1
EBIT/lãi vay (lần)	2.63	3.47	3.55	3.82	3.91
Nợ/EBITDA (lần)	3.07	3.54	3.42	3.24	3.12
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.96	0.89	0.96	1.00	1.05
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.71	0.74	0.66	0.62	0.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.19	6.82	6.08	5.69	5.37
P/E (lần)	9.36	7.52	6.60	5.87	5.39
P/E ĐC (lần)	9.36	7.52	6.60	5.87	5.39
P/B (lần)	1.56	1.47	1.30	1.18	1.07
Lợi suất cổ tức (%)	8.73	6.55	6.55	6.55	6.55

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn